TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2025/HS-PT
Ngày: 20/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ

Các Thẩm phán: Ông Ong Thân T

Ông Phạm Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân T, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Th, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1280/2024/TLPT-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 do có kháng cáo của các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2024/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. HÀ THỊ Y; tên gọi khác: không; sinh năm 1983, tại Bắc Kạn; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 7, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty Cổ phần Khang Thịnh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn Tạ, sinh năm 1957 và bà Nguyễn Thị Phúc, sinh năm 1955; có chồng là Đỗ Hồng Phương, sinh năm 1978 (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009; con nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại; vắng mặt.

2. PHẠM THỊ TH; tên gọi khác: không; sinh năm 1983, tại Quảng Ninh; nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Tổ 7, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Kế toán Công ty Cổ phần Khang Thịnh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Thanh, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị Vững, sinh năm 1959; có chồng là Tạ Văn Tuấn, sinh năm 1983 và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; hiện tại ngoại; vắng mặt.

Người bào chữa cho bị cáo HÀ THỊ Y theo yêu cầu: Ông Hoàng Văn Hướng, bà Hoàng Thị Dinh và bà Từ Thị Bích Nguyệt - Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng Hưng, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; đều vắng mặt.

*** Các giám định viên tư pháp:**

1. Ông Dương Hoàng Nguyên - Chánh Văn phòng;

2. Bà Nguyễn Thùy Linh - Trưởng phòng Kê khai và Kế toán thuế.

3. Bà Nông Thu Hà - Công chức Phòng tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế.

4. Ông Nguyễn Đình Tân - Phó Chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực Bắc Kạn - Bạch Thông - Chợ Mới.

5. Ông Nguyễn Vi Khanh - Công chức Phòng nghiệp vụ - Dự toán - Pháp chế.

6. Bà Hoàng Huệ Anh - Phó Trưởng phòng Thanh tra - kiểm tra.

7. Bà Phạm Thị Thùy Ninh - Kiểm tra viên thuế, Phòng Thanh tra - kiểm tra.

8. Bà Nguyễn Thị Kiều Chinh - Kiểm tra viên thuế, Phòng Thanh tra - kiểm tra.

Địa chỉ: Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn - Tổ 5, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

(Đều vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo nhưng có liên quan đến kháng cáo được Tòa án triệu tập:**

1. Cục thuế tỉnh Bắc Kạn, địa chỉ: Tổ 5, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

2. Công ty Cổ phần Khang Thịnh, địa chỉ: Tổ 7, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

3. Nguyễn Thị Huyền Trang, sinh năm 1995, trú tại: Thôn Pác Cộp, xã Phong Huân, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

4. Nguyễn Thị Thu Huyền, sinh năm 1994, trú tại: Tổ 10, phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

5. Lý Thị Thúy, sinh năm 1983, trú tại: Tổ 7, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

6. Hà Văn An, sinh năm 1983, trú tại: Tổ 7, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

7. Triệu Ngọc Hương, sinh năm 1992, trú tại: Tổ 8A, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

8. Đỗ Hồng Phương, sinh năm 1981, trú tại: Tổ 4, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

9. Ngô Duy Phương, sinh năm 1981, trú tại: Tổ 8, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn; vắng mặt.

*** Người làm chứng (đều vắng mặt tại phiên tòa):**

1. Phùng Quốc Thân, sinh năm 1968, trú tại: Thôn Nà Coóc, xã Bộc Bố, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn;

2. Trương Văn Nam, sinh năm 1996, trú tại: Thôn Nà Muồng, xã Nguyên Phúc, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

3. Hoàng Văn Binh, sinh năm 1979, trú tại: Thôn Đon Bây, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn,

4. Vũ Văn Thuật, sinh năm 1986, trú tại: Thôn Đon Bây, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

5. Mạc Thiêm Lân, sinh năm 1988, trú tại: Thôn Đon Bây, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

6. La Thị Thiệp, sinh năm 1982, trú tại: Thôn Đon Bây, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

7. Nông Thị Được, sinh năm 1992, trú tại: Phố Chính, thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

8. Vũ Văn Vàng, sinh năm 1989, trú tại: Thôn Đon Bây, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

09. Vy Văn An, sinh năm 1989, trú tại: Tổ 17, phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;

10. Triệu Phúc Thạch, sinh năm 1993, trú tại: Thôn Khuổi Đeng 1, xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn;

11. Sông Văn Thuận, sinh năm 1986, trú tại: Bản Pja, xã Cao Tân, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn;

12. Lục Thị Mới, sinh năm 1973, trú tại: Thôn Trung Tâm, xã Đại Sảo, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

13. Ma Thị Thắm, sinh năm 1971, trú tại: Bản Noỏng, xã Yên Phong, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

14. Phạm Văn Cường, sinh năm 1991, trú tại: Xóm Yên Phú, xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên;

15. Triệu Minh Tuấn, sinh năm 1992, trú tại: Bản Trù, xã Chu Hương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn;

16. Nông Thị Mới, sinh năm 1984, trú tại: Thôn Trung Tâm, xã Đại Sảo, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

17. Tô Thị Nơi, sinh năm 1974, trú tại: Thôn Trung Tâm, xã Đại Sảo, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn;

18. Ma Duy Độ, sinh năm 1986, trú tại: Thôn Nà Nàng, xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;

19. Chu Bá Bình, sinh năm sinh năm 1969, trú tại: Thôn Đông Long, xóm Đông, xã Quảng Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;

20. Đỗ Đức Thắng, sinh năm 1984, trú tại: 86 Lê Văn An, phường Đông Thọ, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

21. Vũ Ngọc Giang, sinh năm 1955, trú tại: Tổ 19, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;

22. Hoàng Thị Huệ, sinh năm 1996, trú tại: Thôn Nà Chào, xã Như Cố, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn;

23. Đào Tiến Đạt, sinh năm 1995, trú tại: Tổ 8, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;

24. Bàn Thị Thủy, sinh năm 1998, trú tại: Thôn Khuổi Ủn, xã Hương Nê, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn;

25. Cà Thị Mai, sinh năm 1988, trú tại: Thôn Đon Bẩy, xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

26. Hà Đình Bìa, sinh năm 1967, trú tại: Thôn 4, xã Thọ Phú, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

27. Hoàng Thị Hiền, sinh năm 1998, trú tại: Bản Bón, xã Cao Tân, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn;

28. Vũ Đức Minh, sinh năm 1973, trú tại: Thôn Thọ Lão, xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên;

29. Nông Văn Hữu, sinh năm 1992, trú tại: Thôn Nà Nàng, xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;

30. Nguyễn Văn Thuần, sinh năm 1975, trú tại: Thôn Sen Hồ, thị trấn Nếnh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang;

31. Triệu Thị Lan, sinh năm 1966, trú tại: Thôn Tân Thành, xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn;

32. Lý Văn Lôi, sinh năm 1977, trú tại: Thôn Nà Nghịu, xã Lục Bình, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

33. Vũ Viết Thủy, sinh năm 1964, trú tại: Thôn Ba Phường, xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

34. Lý Thị Mùi, sinh năm 1973, trú tại: Thôn Khuổi Lừa, xã Phương Linh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

35. Trần Đình Trọng, sinh năm 1985, trú tại: Thôn Chi Quảng B, xã Phương Linh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

36. Triệu Văn Trung, sinh năm 1994, trú tại: Thôn Khuổi Lừa, xã Phương Linh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

37. Nguyễn Đình Đại, sinh năm 1992, trú tại: Phố Chính, thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

38. Trần Văn Quyên, sinh năm 1965, trú tại: Phố Chính, thị trấn Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

39. Hoàng Kim Hành, sinh năm 1996, trú tại: Thôn Khuổi Đeng 1, xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn;

40. Phùng Tiến Du, sinh năm 1997, trú tại: Thôn Khuổi Đeng 1, xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn;

41. Trần Tiến Đắc, sinh năm 1992, trú tại: Thôn Khuổi Đeng 2, xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn;

42. Phạm Thị Nhẫn, sinh năm 1976, trú tại: Thôn Công Tum, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn;

43. Nguyễn Văn Thái, sinh năm 1963, trú tại: Thôn Hua Phai, xã Cao Kỳ, huyện CHợ Mới, tỉnh Bắc Kạn;

44. Nông Đinh Tuấn, sinh năm 1993, trú tại: Tổ nhân dân Phố Mới, thị trấn Yến Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn;

45. Hà Văn Nghi, sinh năm 1971, trú tại: Thôn Hua Phai, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn;

46. Nông Thị Huyến, sinh năm 1987, trú tại: Thôn Pò Slản, xã Văn Vũ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn;

47. Bế Văn Toàn, sinh năm 1966, trú tại: Thôn Pò Slản, xã Văn Vũ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn;

48. Nông Văn Hộ, sinh năm 1973, trú tại: Thôn Nà Cằm, xã Văn Vũ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn;

49. Nông Văn Vượng, sinh năm 1977, trú tại: Thôn Nà Lẹng, thị trấn Yến Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn;

50. Phùng Văn Sinh, sinh năm 1987, trú tại: Thôn Nà Lầy, xã Quang Phong, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn;

51. Lý Thị Duyên, sinh năm 1979, trú tại: Thôn Bản Chang, xã Lương Thành, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn;

52. Hoàng Phúc Thủy, sinh năm 1991, trú tại: Khuổi Đeng 2, xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn;

53. Trần Văn Chương, sinh năm 1986, trú tại: Thôn Công Tum, xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn;

54. Hoàng Văn Hiệu, sinh năm 1966, trú tại: Thôn Bản Tết 1, xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn;

55. Nguyễn Đức Huấn, sinh năm 19823, trú tại: Thôn Đông Tân, xã Hồng Phong, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh;

56. Đặng Quý Trường, sinh năm 1994, trú tại: Thôn Khuổi Lừa, xã Phương Linh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn;

57. Bàn Hữu Sính, sinh năm 1986, trú tại: Thôn Bản Lù, xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Khang Thịnh có trụ sở tại Tổ 7, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bắc Kạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4700200587, cấp lần đầu ngày 24/01/2011, thay đổi lần thứ 6 ngày 22/12/2017 với ngành nghề kinh doanh chính là "*Xây dựng các công trình và Giám sát Công tác xây dựng, hoàn thiện công trình điện, cấp điện đến 35KV, khảo sát thiết kế các công trình điện...".*

Khi thành lập năm 2011 Công ty cổ phần Khang Thịnh có 03 cổ đông sáng lập gồm: HÀ THỊ Y, sinh năm 1983, HKTT: tổ 7, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn làm Giám đốc đại diện theo pháp luật chiếm 8,2% cổ phần; Ngô Duy Phương - sinh 1981, trú tại tổ 8, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn chiếm 10,2% cổ phần; Đỗ Hồng Phương - sinh 1981, trú tại tổ 4, phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn chiếm 81,6% cổ phần. Năm 2014 Ngô Duy Phương chuyển nhượng toàn bộ 10,2% cổ phần Công ty Khang Thịnh cho ông Hà Văn Anh, sinh năm 1983, HKTT: tổ 7, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn; Năm 2015 Đỗ Hồng Phương chuyển nhượng toàn bộ 81,6% cổ phần Công ty Khang Thịnh cho bà Triệu Ngọc Hương, sinh năm 1992, HKTT: tổ 8A, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, Hương đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty; Tại Quyết định số 04/QĐ-CTKT, ngày 10/10/2015 của Hội đồng quản trị Công ty Khang Thịnh, Triệu Ngọc Hương và Hà Văn Anh đã giao toàn quyền cho HÀ THỊ Y quyết định tất cả hoạt động của Công ty Khang Thịnh, Anh và Hương không tham gia bất kỳ hoạt động kinh doanh nào. Quyết định số 04/QĐ-CTKT thể hiện: *Bổ nhiệm HÀ THỊ Y làm Giám đốc đại diện theo pháp luật, HÀ THỊ Y có quyền tuyển dụng đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật, quản lý kinh tế, ký các hợp đồng tuyển dụng lao động, các hợp đồng kinh tế và hợp đồng tín dụng các giao dịch ngân hàng, ký các văn kiện, giấy tờ liên quan đến việc hoạt động kinh doanh công ty thực hiện và điều hành mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty.* PHẠM THỊ TH, sinh năm 1983, HKTT: tổ 7, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn được Công ty ký hợp đồng làm kế toán. Công ty thực hiện kê khai, nộp thuế tại Cục thuế tỉnh Bắc Kạn. Quá trình hoạt động, ngày 03/4/2018 Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 282/QĐ-CT đối với Công ty Cổ phần Khang Thịnh số tiền 11.222.343đ *(Mười một triệu, hai trăm hai mươi hai nghìn, ba trăm bốn mươi ba đồng*) vì lý do chậm nộp tiền thuế.

Trong các năm 2016, 2017 khi thi công các công trình mà Công ty Cổ phần Khang Thịnh trúng thầu, ngoài những người lao động thực tế làm việc cho Công ty thì HÀ THỊ Y đã thu thập thêm thông tin cá nhân của những người khác trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn và chỉ đạo PHẠM THỊ TH lập khống các hợp đồng lao động giữa Công ty với những cá nhân này trình Yến ký xác nhận rồi Thoa làm thủ tục đăng ký mã số thuế thu nhập cá nhân của những người lao động nêu trên

với Cục thuế tỉnh Bắc Kạn. Căn cứ vào chi phí nhân công trong dự toán công trình hoặc hợp đồng kinh tế mà Công ty Cổ phần Khang Thịnh đã ký với chủ đầu tư, Yến chỉ đạo Thoa lập bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương hàng tháng của từng công trình sao cho tổng chi phí tiền lương của công trình bằng hoặc gần bằng chi phí nhân công theo dự toán công trình, hợp đồng kinh tế đã ký, trong đó có đưa những cá nhân thực tế không làm việc tại công ty vào bảng chấm công và bảng chứng từ thanh toán tiền lương để làm tăng chi phí thi công công trình. Kết quả điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra xác định các năm 2016 và 2017 Công ty Cổ phần Khang Thịnh đã sử dụng thông tin của 59 (năm mươi chín) cá nhân không làm việc tại Công ty để lập khống hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương cụ thể:

1- Hợp đồng lao động với Phùng Quốc Thân sinh năm 1968 trú tại: xã Bộc Bố, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 33.644.500đ.

2- Hợp đồng lao động với Trương Văn Nam sinh năm 1996 trú tại: xã Nguyên Phúc, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 7, 8 năm 2016 với tổng số tiền là: 34.285.000đ.

3- Hợp đồng lao động với: Hoàng Văn Vinh sinh năm 1979 trú tại: xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 7, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 36.555.500đ

4- Hợp đồng lao động với: Vũ Văn Thuật sinh năm 1986 trú tại: xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01 ,02 , 3, 7, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 39.879.500đ.

5- Hợp đồng lao động với: Mạc Thiêm Lân sinh năm 1988 trú tại: xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 7 năm 2016 với tổng số tiền là: 16.186.000đ.

6- Hợp đồng lao động với: La Thị Thiệp sinh năm 1982 trú tại: xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 7, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 35.000.235đ.

7- Hợp đồng lao động với: Nông Thị Được sinh năm 1992 trú tại: xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 7, 8, 10 năm 2016 với tổng số tiền là: 31.540.417đ.

8- Hợp đồng lao động với: Vũ Văn Vàng sinh năm 1989 trú tại: xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 7, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 40.265.000đ.

9- Hợp đồng lao động với: Vy Văn An sinh năm 1989 trú tại: phường Nguyễn Thị Minh Khai, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn (HKTT: xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn) và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 33.211.500đ.

10- Hợp đồng lao động với: Triệu Phúc Thạch sinh năm 1993 trú tại: xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 7, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 39.879.500đ.

11- Hợp đồng lao động với: Sông Văn Thuận sinh năm 1986 trú tại: xã Cao Tân, huyện Pác Nặm, tỉnh Bắc Kạn (xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn) và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.646.500đ.

12- Hợp đồng lao động với: Lục Thị Mới sinh năm 1973 trú tại: xã Đại Sảo, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.518.000đ.

13- Hợp đồng lao động với: Ma Thị Thắm sinh năm 1971 trú tại: xã Yên Phong, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.518.000đ.

14- Hợp đồng lao động với: Phạm Văn Cường sinh năm 1991 trú tại: xã Yên Ninh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6, 7, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 37.849.731đ.

15- Hợp đồng lao động với: Triệu Minh Tuấn sinh năm 1992 trú tại: xã Chu Hương, huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.518.000đ.

16- Hợp đồng lao động với: Nông Thị Mới sinh năm 1984 trú tại: xã Đại Sảo, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 18.298.000đ.

17- Hợp đồng lao động với: Tô Thị Nơi sinh năm 1974 trú tại: xã Đại Sảo, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 18.411.500đ.

18- Hợp đồng lao động với: Ma Duy Độ sinh năm 1986 trú tại: xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6, 10 năm 2016 với tổng số tiền là: 27.571.500đ.

19- Hợp đồng lao động với: Chu Bá Bình sinh năm 1969 trú tại: xã Quang Yên, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.646.500đ.

20- Hợp đồng lao động với: Đỗ Đức Thắng sinh năm 1984 trú tại: Điện Biên, Thanh Hoá và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.518.000đ.

21- Hợp đồng lao động với: Vũ Ngọc Giang sinh năm 1955 trú tại: phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 7, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.518.000đ.

22- Hợp đồng lao động với: Hoàng Thị Huệ sinh năm 1996 trú tại: xã Như Cố, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn (HKTT: thị trấn Nà Phặc, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn) và chứng từ chi trả tiền lương tháng 10, 11 năm 2016 với tổng số tiền là: 9.471.000đ.

23- Hợp đồng lao động với: Đào Tiến Đạt sinh năm 1995 trú tại: phường Sông Cầu, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 10, 11 năm 2016 với tổng số tiền là: 9.594.500đ.

24- Hợp đồng lao động với: Bàn Thị Thuỷ sinh năm 1990 trú tại: xã Hương Nê, huyện Ngân Sơn, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 5, 10 năm 2016 với tổng số tiền là: 12.938.500đ.

25- Hợp đồng lao động với: Cà Thị Mai sinh năm 1988 trú tại: xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 10 năm 2016 với tổng số tiền là: 5.925.500đ.

26- Hợp đồng lao động với: Hà Đình Bìa sinh năm 1967 trú tại: xã Thọ Phú, huyện Thọ Sơn, tỉnh Thanh Hoá và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.646.500đ.

27- Hợp đồng lao động với: Hoàng Thị Hiền sinh năm 1996 trú tại: xã Cao Tân, huyện Pác Năm, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 10 năm 2016 với tổng số tiền là: 5.925.000đ.

28- Hợp đồng lao động với: Vũ Đức Minh sinh năm 1973 trú tại: xã Quang Hưng, huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.775.000đ.

29- Hợp đồng lao động với: Nông Văn Hữu sinh năm 1992 trú tại: xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 13.593.500đ.

30- Hợp đồng lao động với: Nguyễn Văn Thuần sinh năm 1975 trú tại: xã Quang Minh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang và chứng từ chi trả tiền lương tháng 7 năm 2016 với tổng số tiền là: 3,601,000đ.

31- Hợp đồng lao động với: Triệu Thị Lan sinh năm 1966 trú tại: xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.389.500đ.

32- Hợp đồng lao động với: Lý Văn Lôi sinh năm 1977 trú tại: xã Lục Bình, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4 năm 2016 với tổng số tiền là: 7.094.000đ.

33- Hợp đồng lao động với: Vũ Viết Thuỷ sinh năm 1964 trú tại: xã Cẩm Giàng, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.646.500đ.

34- Hợp đồng lao động với: Lý Thị Mùi sinh năm 1973 trú tại: xã Phương Linh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 18.071.000đ.

35- Hợp đồng lao động với: Trần Đình Trọng sinh năm 1985 trú tại: xã Phương Linh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 7 năm 2016 với tổng số tiền là: 23.243.814đ.

36- Hợp đồng lao động với: Trương Công Ứng sinh năm 1962 trú tại: xã Nguyên Phúc, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3 năm 2016 với tổng số tiền là: 19.923.000đ.

37- Hợp đồng lao động với: Triệu Văn Trung sinh năm 1994 trú tại: xã Phương Linh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 7 năm 2016 với tổng số tiền là: 19.077.000đ.

38- Hợp đồng lao động với: Nguyễn Đình Đại sinh năm 1992 trú tại: TT Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 7, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 41.448.000đ.

39- Hợp đồng lao động với: Trần Văn Quyên sinh năm 1965 trú tại: TT Phủ Thông, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 9, 10 năm 2016 với tổng số tiền là: 34.006.000đ.

40- Hợp đồng lao động với: Hoàng Kim Hành sinh năm 1992 trú tại: xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 7, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 39.635.000đ.

41- Hợp đồng lao động với: Phùng Tiến Du sinh năm 1987 trú tại: xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 31.566.000đ.

42- Hợp đồng lao động với: Trần Tiến Đắc sinh năm 1992 trú tại: xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 7, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 39.378.000đ.

43- Hợp đồng lao động với: Phạm Thị Nhẫn sinh năm 1976 trú tại: xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 7, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 37.644.000đ.

44- Hợp đồng lao động với: Nguyễn Văn Thái sinh năm 1963 trú tại: xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 8 năm 2016 với tổng số tiền là: 7.053.500đ.

45- Hợp đồng lao động với: Hoàng Văn Lin sinh năm 1984 trú tại: xã Vi Hương, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 32.826.000đ.

46- Hợp đồng lao động với: Nông Đinh Tuấn sinh năm 1993 trú tại: TT Yến Lạc, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.775.000đ.

47- Hợp đồng lao động với: Hà Văn Nghi sinh năm 1971 trú tại: xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.389.500đ.

48- Hợp đồng lao động với: Nông Thị Huyến sinh năm 1987 trú tại: xã Văn Vũ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 10 năm 2016 với tổng số tiền là: 6.175.000đ.

49- Hợp đồng lao động với: Bế Văn Toàn sinh năm 1966 trú tại: xã Văn Vũ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 10 năm 2016 với tổng số tiền là: 7.053.500đ.

50- Hợp đồng lao động với: Nông Văn Hộ sinh năm 1973 trú tại: xã Văn Vũ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 10 năm 2016 với tổng số tiền là: 7.182.000đ.

51- Hợp đồng lao động với: Nông Văn Vượng sinh năm 1977 trú tại: xã Lương Hạ, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 10 năm 2016 với tổng số tiền là: 6.925.000đ.

52- Hợp đồng lao động với: Phùng Văn Sinh sinh năm 1987 trú tại: xã Quang Phong, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.389.500đ.

53- Hợp đồng lao động với: Lý Thị Duyên sinh năm 1979 trú tại: xã Lương Thành, huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 10 năm 2016 với tổng số tiền là: 6.175.000đ.

54- Hợp đồng lao động với: Hoàng Phúc Thuỷ sinh năm 1991 trú tại: xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3 năm 2016 với tổng số tiền là: 15.486.841đ.

55- Hợp đồng lao động với: Trần Văn Chương sinh năm 1986 trú tại: xã Cao Kỳ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 7, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 39.879.500đ.

56- Hợp đồng lao động với: Hoàng Văn Hiệu sinh năm 1978 trú tại: xã Nông Hạ, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 4, 5, 6 năm 2016 với tổng số tiền là: 20.646.333đ.

57- Hợp đồng lao động 2016 với: Nguyễn Đức Huấn sinh năm 1983 trú tại: xã Hồng Phong, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 6 năm với tổng số tiền là: 14.264.000đ.

58- Hợp đồng lao động với: Đặng Quý Trường sinh năm 1994 trú tại: xã Phương Linh, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 01, 02, 3, 7, 8, 9 năm 2016 với tổng số tiền là: 39.506.000đ.

59- Hợp đồng lao động với: Bàn Hữu Sính sinh năm 1986 trú tại: xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn và chứng từ chi trả tiền lương tháng 4, 5, 6, 10, 11 năm 2016 với tổng số tiền là: 29.520.500đ.

Tổng số tiền trên chứng từ chi trả tiền lương Công ty Cổ phần Khang Thịnh lập khống đối với 59 người lao động trên là: 1.535.565.511đ *(một tỷ năm trăm ba mươi năm triệu, năm trăm sáu năm nghìn, năm trăm mười một đồng)* được Công ty sử dụng để hoạch toán tăng chi phí nhân công xây dựng 06 (sáu) công trình trong năm 2016, 2017 gồm:

1- Công trình: Gói thầu số 21: Xây dựng các hạng mục: Hệ thống cấp điện hạ thế; chiếu sáng ngoài nhà; mạng thông tin liên lạc – Dự án đầu tư xây dựng doanh trại cơ quan Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn/QKI, có 23 người lao động trong chứng từ chi trả tiền lương các tháng 01, 02 ,03 năm 2016 là lập khống với tổng số tiền là: 354.203.841đ (Ba trăm năm mươi tư triệu, tám trăm bốn mươi mốt đồng).

2- Công trình: CQT lưới điện khu vực: xã Dương Quang, xã Nông Thượng và phường Huyền Tụng, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn, có 17 người lao động trong chứng từ chi trả tiền lương các tháng 3, 4, 5, 6 năm 2016 là lập khống với tổng số tiền là: 144.905.500đ (Một trăm bốn mươi bốn nghìn, chín trăm linh năm nghìn, năm trăm đồng).

3- Công trình: Gói thầu số 05: Xây lắp cụm C29: Dự án: Doanh trại Tiểu đoàn 24 Quân Y + Trực thuộc Sư đoàn BB 346: Nhà ăn + Nhà WC4, có 33 người lao động trong chứng từ chi trả tiền lương các tháng 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 năm 2016 là lập khống với tổng số tiền là: 327.151.486đ (Ba trăm hai mươi bảy triệu, một trăm năm mươi mốt nghìn, bốn trăm tám mươi sáu đồng).

4- Công trình: Thi công gói thầu số 7: Nhà ăn 250 chỗ - Dự án: Doanh trại Trung đoàn 750/DBĐV – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bắc Kạn, có 32 người lao động trong chứng từ chi trả tiền lương các tháng 4, 5, 6, 7, 8, 9 năm 2016 là lập khống với tổng số tiền là: 481.296.064đ (bốn trăm tám mươi mốt triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn, không trăm sáu mươi tư đồng).

5- Công trình: SCL đường dây ĐZ35kV và TBA UB Mỹ Thanh, có 01 người lao động trong chứng từ chi trả tiền lương các tháng 4 năm 2017 là lập khống với tổng số tiền là: 7.094.000đ (Bảy triệu, không trăm chín mươi tư đồng).

6- Công trình: Gói thầu số 2: Xây lắp - Công trình CQT lưới điện khu vực huyện Chợ Đồn, có 02 người lao động trong chứng từ chi trả tiền lương các tháng 4, 5, 6 năm 2017 là lập khống với tổng số tiền là: 20.914.000đ (Hai mươi triệu, chín trăm mười bốn nghìn đồng).

Trong 59 (năm mươi chín) người không làm việc cho Công ty Cổ phần Khang Thịnh nêu trên có: 01(một) người đã chết từ năm 2014: Hoàng Văn Lin; 03 (ba) người là Công chức xã thuộc UBND huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn gồm Nông Văn Hộ, Nông Văn Vượng, Bế Văn Toàn; 03 (ba) người không biết chữ Ma Duy Độ, Hoàng Quốc Thủy, Trương Công Ứng; 01(một) người là cán bộ Công an huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn Nông Đinh Tuấn; 01(một) người mất khả năng lao động Vũ Đức Minh; 01(một) người bị bệnh tâm thần Trương Công Ứng; 03 (ba) người làm cho các công ty khác gồm: Trương Văn Nam làm cho Công ty Ta xi Giang Huế có địa chỉ tại Phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn; Đào Tiến Đạt làm cho Công ty TNHH Ngọc Huy có địa chỉ tại Phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn; Nông Văn Hữu làm cho công ty Cổ phần kiến trúc và phát triển đô thị, địa chỉ tại xã Nông Thượng, thành phố Bắc Kạn (Tổng số 13 người); Còn lại 46 (bốn mươi sáu) người là lao động tự do hoặc làm nông

nghiệp tại địa phương nơi cư trú. Qua xác minh xác định ngoài 01 (một) người là Hoàng Văn Lin đã chết và 01 (một) người bị bệnh tâm thần Trương Công Ứng, những người còn lại đều khẳng định không được làm thuê và không biết về Công ty Cổ phần Khang Thịnh. Chữ ký (trừ 03 người không biết chữ) trong Hợp đồng lao động và trong Bảng thanh toán tiền lương nhân công tại các công trình của Công ty Cổ phần Khang Thịnh đều không phải là chữ ký của họ, họ không được nhận tiền theo bảng thanh toán tiền lương hoặc bất kỳ khoản tiền nào của Công ty Cổ phần Khang Thịnh; không được uỷ quyền, hay nhờ ai đến Cục thuế tỉnh Bắc Kạn để đăng ký mã số thuế cá nhân cho bản thân mình.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an và Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn giám định đối với chữ ký, chữ viết trong hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương của Công ty Cổ phần Khang Thịnh đối với 55/59 người lao động không làm việc tại Công ty Cổ phần Khang Thịnh, còn 04 (bốn) người lao động không thực hiện giám định gồm: 01 người chết năm 2014; 03 người không biết chữ. Kết quả:

Có 38 trường hợp chữ ký trên hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương không phải chữ ký của người có tên trong hợp đồng lao động. 17 trường hợp không đủ cơ sở để kết luận chữ ký trên hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương có phải chữ ký của người lao động không.

Cơ quan điều tra đã xác minh tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, chính quyền địa phương và làm việc với thân nhân của 59 (năm mươi chín) người trên đều khẳng định người thân của họ không làm việc cho Công ty Cổ phần Khang Thịnh**.**

Ngày 24/3/2020 Cơ quan CSĐT ra Quyết định trưng cầu giám định số 21, trưng cầu Giám định viên tư pháp thuộc Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn giám định việc thực hiện nghĩa vụ thuế từ năm 2016 đến năm 2017 của Công ty Cổ phần Khang Thịnh đối với việc lập khống hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương của 29 (hai mươi chín) người không làm việc tại Công ty. Ngày 14 tháng 12 năm 2020 Giám định viên tư pháp thuộc Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn có Kết luận giám định nêu rõ: "... *Công ty đã hạch toán khoản chi trả tiền lương, tiền công cho người lao động nhưng thực tế không chi trả và chứng từ chi trả tiền lương cho người lao động không làm việc cho Công ty, khoản chi này đã hạch toán vào chi phí giá vốn trong kỳ tính thuế năm 2016, năm 2017 thì:*

- Loại thuế trốn là Thuế thu nhập doanh nghiệp.

....

+ Tổng số tiền thuế trốn là: 129.133.026 đồng

Trong đó: Năm 2016: 624.307.128 đồng x 20% = 124.861.426 đồng.

Năm 2017: 21.358.000 đồng x 20% = 4.271.600 đồng."

Ngày 28/4/2021 Cơ quan CSĐT ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung, trưng cầu Giám định viên tư pháp Cục thuế tỉnh Bắc Kạn giám định bổ

sung việc thực hiện nghĩa vụ thuế trong các năm 2016, năm 2017 của Công ty Cổ phần Khang Thịnh đối với việc lập khống hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương của 30 (ba mươi) người lao động không làm việc tại Công ty. Ngày 25/5/2021Giám định viên tư pháp Cục thuế tỉnh Bắc Kạn có Kết luận giám định nêu rõ: "*...Công ty đã hạch toán khoản chi trả tiền lương, tiền công cho 30 người lao động nhưng thực tế không chi trả và 30 người lao động này không làm việc cho Công ty, khoản chi này đã hạch toán vào chi phí giá vốn trong kỳ tính thuế năm 2016, năm 2017 dẫn đến xác định sai số tiền thuế phải nộp thì:*

- Loại thuế trốn là thuế thu nhập Doanh nghiệp.

....

+ Xác định số tiền thuế trốn: 137.980.077 đồng

Năm 2016: 136.650.077 đồng; Năm 2017: 1.330.000 đồng"

Như vậy, tổng số tiền Công ty Cổ phần Khang Thịnh trốn thuế thông qua việc lập khống hợp đồng lao động, chứng từ chi trả tiền lương của 59 (năm mươi chín) người lao động không làm việc tại công ty trong 02 năm 2016, 2017 là: 267.113.103đ *(hai trăm sáu bảy triệu, một trăm mười ba nghìn, một trăm linh ba đồng),* trong đó:

Năm 2016 là: 124.861.426đ + 136.650.077đ, = 261.511.503đ *(hai trăm sáu mốt triệu, năm trăm mươi một nghìn, năm trăm linh ba đồng)*

Năm 2017 là: 4.271.600đ +1.330.000đ = 5.601.600đ *(năm triệu, sáu trăm hai mốt nghìn, sáu trăm đồng).*

Sau khi kết thúc điều tra, ngày 27/01/2022, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh đã ban hành Cáo trạng số 06/CT-VKSBK-P1 truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn để xét xử các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH về tội "Trốn thuế" quy định tại Khoản 1 Điều 161 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Trong các ngày 26/4/2022 và ngày 27/4/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm tuyên phạt bị cáo HÀ THỊ Y số tiền 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng) và bị cáo PHẠM THỊ TH số tiền 270.000.000đ (hai trăm bảy mươi triệu đồng). Buộc bị cáo HÀ THỊ Y – Giám đốc Công ty Cổ phần Khang Thịnh nộp lại số tiền 267.113.103đ (hai trăm sáu bảy triệu, một trăm mười ba nghìn, một trăm linh ba đồng) mà Công ty Cổ phần Khang Thịnh đã trốn thuế trong các năm 2016, 2017 vào ngân sách Nhà nước qua Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn

Ngày 05/5/2022, bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH có đơn kháng cáo.

Ngày 12/5/2023, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội ban hành Bản án số 320/2023/HS-PT tuyên huỷ Bản án sơ thẩm số 10/2022/HS-ST, ngày 27/4/2022 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Kạn để điều tra lại.

Kết quả điều tra đã làm rõ được các nội dung yêu cầu trong Bản án số 320/2023/HS-PT như sau:

1- Đối với các kết luận giám định của giám định viên Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn:

Theo quy định tại Khoản 19 Điều 2 Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ Tài chính quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế như sau: *"....Giám định để xác định số thuế phải nộp của người nộp thuế theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền"*.

Căn cứ vào kết quả điều tra và các tài liệu thu thập được, Cơ quan điều tra xác định trong các năm 2016, năm 2017, Công ty Cổ phần Khang Thịnh đã hạch toán khoản chi trả tiền lương, tiền công cho người lao động nhưng thực tế không chi trả và chứng từ chi trả tiền lương cho 59 người lao động không làm việc cho Công ty tại 06 công trình như đã nêu ở trên. Giám định viên Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn đã ban hành các kết luận giám định ngày 14/12/2020 và kết luận giám định ngày 25/5/2021 kết luận: *"...Trường hợp Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn xác định Công ty đã hạch toán khoản chi trả tiền lương, tiền công cho người lao động nhưng thực tế không chi trả và chứng từ chi trả tiền lương cho người lao động không làm việc cho Công ty, khoản chi này đã hạch toán vào chi phí giá vốn trong kỳ tính thuế năm 2016, năm 2017 thì được coi là hành vi trốn thuế, gian lận thuế ..."*. Các giám định viên chỉ thực hiện giám định về nghĩa vụ thuế đối với các công trình mà Cơ quan điều tra đã xác định được rõ chi phí nhân công đã hạch toán trong kỳ tính thuế năm 2016, năm 2017. Các Kết luận giám định ngày 14/12/2020, ngày 25/5/2021 và lời khẳng định của Giám định viên tại phiên tòa sơ thẩm ngày 26/4/2022 và 27/4/2022 của các giám định viên Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn đã đủ căn cứ xác định bị cáo HÀ THỊ Y và bị cáo PHẠM THỊ TH có hành vi trốn thuế, loại thuế trốn là thuế thu nhập doanh nghiệp, thời điểm trốn thuế là khi bị cáo HÀ THỊ Y và bị cáo PHẠM THỊ TH nộp báo cáo quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016 và năm 2017. Trong đó số tiền trốn thuế năm 2016 là 261.511.503đ (hai trăm sáu mốt triệu, năm trăm mươi một nghìn, năm trăm linh ba đồng), năm 2017 là 5.601.600đ (năm triệu, sáu trăm hai mốt nghìn, sáu trăm đồng), tổng số tiền trốn thuế là 267.113.103đ (hai trăm sáu bảy triệu, một trăm mười ba nghìn, một trăm linh ba đồng).

2- Đối với yêu cầu cần có ý kiến của cơ quan Thuế để xác định tính hợp pháp của các tài liệu Công ty Khang Thịnh cung cấp tại phiên tòa để trưng cầu giám định:

Ngày 07/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn có công văn số 738/CQCSĐT đề nghị Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn xác định tính hợp pháp của các tài liệu bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH giao nộp tại Tòa phúc thẩm. Ngày 17/7/2023, Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn có Công văn số 1175/CTBCA-TTKT nêu: *Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn không có chức năng xác định tính hợp pháp của các tài liệu do Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn gửi kèm Công văn số 738/CQCSĐT ngày 07/7/2023 của Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn*.

Ngày 07/8/2023, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn có công văn số 835/CQCSĐT về việc phối hợp làm rõ nội dung vụ án. Theo đó đề nghị Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn phối hợp làm việc từ năm 2016 đến nay, Công ty Cổ phần Khang Thịnh có báo cáo với cơ quan Thuế việc điều chỉnh giảm chi phí giá vốn (tiền lương, tiền công) năm 2016 với tổng số tiền là 717.048.000 đồng không? Quá trình thanh tra, kiểm tra Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn có kết luận điều chỉnh giảm chi phí giá vốn năm 2016 với số tiền 717.048.000 đồng không? Đề nghị cung cấp báo cáo tài chính; tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2016, 2017; các báo cáo tài chính, tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp điều chỉnh, bổ sung năm 2016, 2017 của Công ty Cổ phần Khang Thịnh. Ngày 11/8/2023, Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn có công văn số 1345/CTBCA-VP trả lời Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn, xác định: *Từ năm 2016 đến nay, Cục Thuế chưa nhận được bất kỳ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, tờ khai nào của Công ty Cổ phần Khang Thịnh gửi đến về việc điều chỉnh giảm chi phí giá vốn (tiền lương, tiền công) năm 2016 với tổng số tiền 717.048.000 đồng.*

Ngày 22/12/2023 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn ra Quyết định trưng cầu giám định số 130/CQCSĐT, trưng cầu Giám định viên tư pháp thuộc Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn giám định tư pháp trong lĩnh vực Thuế đối với các tài liệu bị cáo HÀ THỊ Y nộp bổ sung tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội. Ngày 26/12/2023 Giám định viên tư pháp thuộc Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn có Kết luận giám định kết luận căn cứ hồ sơ, tài liệu Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Bắc Kạn cung cấp kèm theo Quyết định trưng cầu giám định số 130/CQCSĐT ngày 22/12/2023 (các tài liệu do Công ty Cổ phần Khang Thịnh cung cấp cho Tòa án nhân dân cấp cao tại phiên tòa xét xử phúc thẩm), các giám định viên tư pháp không đủ cơ sở để xác định số tiền thuế, loại thuế năm 2016, năm 2017 của Công ty Cổ phần Khang Thịnh phải nộp ngân sách Nhà nước. Làm việc với Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn, xác định các tài liệu bị cáo giao nộp tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội không phải tài liệu Công ty Cổ phần Khang Thịnh sử dụng để báo cáo thuế với Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn.

Bị cáo HÀ THỊ Y và bị cáo PHẠM THỊ TH trình bày các tài liệu giao nộp tại Tòa phúc thẩm là tài liệu do các bị cáo lập và lưu giữ tại Công ty Cổ phần Khang Thịnh, không được sử dụng để nộp và báo cáo Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn. Trong đó số liệu tại bảng cân đối tài khoản năm 2016 mà các bị cáo giao nộp tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có sự khác nhau với bảng cân đối tài khoản năm 2016 mà Công ty Cổ phần Khang Thịnh báo cáo Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn. Do đó xác định tài liệu mà các bị cáo cung cấp cho Tòa phúc thẩm không có giá trị chứng minh.

Quá trình điều tra các bị cáo HÀ THỊ Y, PHẠM THỊ TH đều không thừa nhận hành vi của mình. HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH khai: Số tiền nhân công lập trong chứng từ chi trả tiền lương của các công trình không vượt quá số tiền chi phí nhân công trong dự toán công trình và chi phí nhân công trong hợp đồng

kinh tế đã ký với chủ đầu tư theo từng công trình. Công ty không có chức năng đối chiếu giữa người lao động làm thực tế công ty tại từng công trình với chứng minh thư họ phô tô cung cấp cho Công ty. Công ty đã thanh toán tiền cho người lao động theo chứng từ chi trả tiền lương, bảng chấm công. PHẠM THỊ TH là người trực tiếp thanh toán tiền lương cho người lao động tại công trường và những lao động có tên trong bảng chấm công, bảng thanh toán tiền lương là những lao động thực tế làm cho công ty, không rõ việc họ không nhận được làm việc cho công ty. Căn cứ kết quả điều tra và tài liệu chứng cứ thu thập được đủ căn cứ xác định các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH biết rõ 59 cá nhân không làm việc cho công ty, nhưng vẫn cố ý lập khống các hợp đồng lao động và chứng từ chi trả tiền lương cho những người này nhằm mục đích trốn thuế.

Tại Bản cáo trạng số: 34/CT-VKSBK-P1 ngày 12/6/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã truy tố HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH về tội "Trốn thuế" quy định tại khoản 1, Điều 161 của Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn đã quyết định:

1. Tuyên bố: Tuyên bố các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH phạm tội "Trốn thuế".

1.1. Áp dụng khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, n khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo HÀ THỊ Y 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước;

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo PHẠM THỊ TH 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Buộc Công ty cổ phần Khang Thịnh phải nộp khoản tiền trốn thuế trong các năm 2016, 2017 vào Ngân sách Nhà nước nộp thông qua Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn với tổng số tiền là 267.113.103đ *(hai trăm sáu bảy triệu, một trăm mười ba nghìn, một trăm linh ba đồng).*

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án các vật chứng gồm:

- Báo cáo tài chính, tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, tờ khai thuế giá trị gia tăng, tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân, tổng hợp doanh thu, sổ cái tài khoản 511;

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, sổ chi tiết cho phí sản xuất kinh doanh dở dang, số hiệu tài khoản 154, sổ chi tiền mặt, số hiệu tài khoản 111;

- Quyết định về kiểm tra thuế và quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế của Công ty Cổ phần Khang Thịnh lập các năm 2016 và 2017;

- Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty Cổ phần Khang Thịnh và các cá nhân;

- Bảng thanh toán tiền công của Công ty Cổ phần Khang Thịnh.

- Các tài liệu liên quan Công ty Cổ phần Khang Thịnh nộp bổ sung tại giai đoạn xét xử phúc thẩm.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/9/2024, các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH đều có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo cho rằng cả hai bị cáo không phạm tội "Trốn thuế"; đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH đều vắng mặt không có lý do, không có đơn xin hoãn phiên tòa, không có lời khai, lời trình bày tranh tụng tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội nêu quan điểm: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đánh giá tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, có đủ căn cứ kết luận: Kháng cáo của các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH đều có nội dung đề nghị hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án; kháng cáo trong thời hạn luật đinh nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH đều vắng mặt không có lý do; các bị cáo đã có văn bản nêu ý kiến đề ngày 15/01/2025 gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm; các Luật sư do bị cáo HÀ THỊ Y mời vắng mặt tại phiên tòa không có lý do theo quy định để phải hoãn phiên tòa và cũng không gửi tài liệu bào chữa cho bị cáo. Đây là phiên tòa phúc thẩm được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Đề nghị HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các bị cáo và các Luật sư theo quy định.

Về nội dung: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; công bố các kết luân giám định của cơ quan Thuế là cơ quan có chuyên môn về thuế đã được công khai; căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm lần thứ nhất đã có đủ căn cứ xác định chữ ký của 59 người lao động trong hồ sơ người lao động mà các bị cáo kê khai để được khấu trừ thuế là không có thật. Theo kết luận giám định thì số tiền

này không được thể hiện trong tờ kê khai thuế của công ty. Do vậy, số tiền thuế từ hành vi của các bị cáo đã bị chiếm đoạt như bản án sơ thẩm quy kết là có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH. Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH đều được làm trong hạn, đúng quy định nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần thứ nhất mở ngày 22/01/2025, các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH đều có đơn xin hoãn phiên tòa và gửi kèm Văn bản nêu ý kiến tại Tòa án cấp phúc thẩm đề ngày 15/01/2025; theo đó Hội đồng xét xử phúc thẩm đã phải quyết định hoãn phiên tòa. Phiên tòa phúc thẩm ngày 20/02/2025 là phiên tòa được triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Trước khi mở phiên tòa lần thứ hai, các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH đều vắng mặt không có lý do; riêng bị cáo HÀ THỊ Y đã mời các Luật sư Hoàng Văn Hướng, Luật sư Hoàng Thị Dinh và Luật sư Từ Thị Bích Nguyệt đều thuộc Văn phòng Luật sư Hoàng Hưng, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội bào chữa cho bị cáo Yến tại phiên tòa phúc thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành cho các Luật sư nghiên cứu và sao chụp toàn bộ hồ sơ vụ án vào ngày 18/02/2025. Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận được các Đơn xin hoãn phiên tòa của các Luật sư đề ngày 18/02/2025; theo đó, Luật sư Từ Thị Bích Nguyệt có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do Luật sư có lịch tham gia hỏi cung tại một vụ án khác; Luật sư Hoàng Văn Hướng có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do có lịch tham gia phiên tòa tại một vụ án khác; các Luật sư Hướng và Luật sư Nguyệt đều trình bày do mới tham gia vụ án này vào ngày 14/02/2025 nên chưa kịp nghiên cứu hồ sơ nên không thể tham gia phiên tòa; còn Luật sư Hoàng Thị Dinh có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do bận tham gia tố tụng tại một vụ án khác có gửi kèm Giấy triệu tập phiên tòa số 159/GTT-TDS ngày 13/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên (bản phô tô); tại văn bản này thể hiện chỉ có tên một mình Luật sư Hoàng Thị Dinh tham gia tố tụng. Xét thấy, Văn phòng Luật sư Hoàng Hưng nhận bào chữa cho bị cáo HÀ THỊ Y và đã phân công 03 Luật sư bào chữa cho bị cáo; các Luật sư đã được nghiên cứu và sao chụp toàn bộ hồ sơ vụ án trước khi mở phiên tòa theo đúng quy định. Tại phiên tòa phúc thẩm, tuy Luật sư Hoàng Thị Dinh có tên trong Giấy triệu tập phiên tòa số 159/GTT-TDS ngày 13/02/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhưng Văn phòng Luật sư Hoàng Hưng còn có 02 Luật sư Hoàng Văn Hướng và Luật sư Từ Thị Bích Nguyệt có đơn xin hoãn phiên tòa nhưng không có lý do chính đáng, không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Các bị cáo

HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả hai bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH cùng các Luật sư bào chữa cho bị cáo HÀ THỊ Y theo quy định tại các điều 290 và 291 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tại phiên toà phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận được Văn bản nêu ý kiến đề ngày 15/01/2025 và các tài liệu kèm theo (bản phô tô) của các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH. Tài liệu đã được thẩm tra, công khai tại phiên tòa.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo kêu oan của các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH:

Tại đơn kháng cáo của các bị cáo cũng như quá trình xét xử tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH đều không thừa nhận hành vi phạm tội; căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả công bố lời khai, các kết luận giám định đã được thực hiện theo đúng quy định của Bộ Luật Tố tụng hình sự, lời khai của các bị cáo đã được đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao công bố tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2.1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả điều tra lại của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn theo quyết định của Bản án hình sự phúc thẩm số 320/2023/HS-PT, ngày 12/5/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; căn cứ kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ căn cứ để khẳng định: Công ty Cổ phần Khang Thịnh có trụ sở tại Tổ 7, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn do bị cáo HÀ THỊ Y làm Giám đốc và bị cáo PHẠM THỊ TH làm Kế toán. Trong năm 2016 và năm 2017 bị cáo HÀ THỊ Y và bị cáo PHẠM THỊ TH đã sử dụng thông tin của 59 (năm mươi chín) người không làm việc thực tế tại Công ty để lập khống hợp đồng lao động, chứng từ chi trả tiền lương, sử dụng chứng từ chi trả tiền lương không đúng thực tế để hạch toán làm tăng chi phí sản xuất kinh doanh, giảm lợi nhuận của Công ty để trốn thuế thu nhập doanh nghiệp với tổng số tiền là 267.113.103đ *(hai trăm sáu bảy triệu, một trăm mười ba nghìn, một trăm linh ba đồng)*, trong đó:

Năm 2016 là 261.511.503đ *(hai trăm sáu mươi mốt triệu, năm trăm mười một nghìn, năm trăm linh ba đồng);*

Năm 2017 là 5.601.600đ *(năm triệu, sáu trăm hai mươi mốt nghìn, sáu trăm đồng).*

Căn cứ vào lời khai của bị cáo HÀ THỊ Y tại cơ quan điều tra ngày 08/8/2023 (BL từ 1956 đến 1965) đã được công bố tại phiên tòa, theo đó các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH đều khai rõ về khoản tiền 717.048 đồng trong hai năm 2016-2017 các bị cáo đều không đưa số tiền này vào chi phí được trừ khi quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định các bị cáo đã không đưa số tiền 717.048.000 đồng vào hệ thống sổ sách và quyết toán thuế tại Cục thuế tỉnh Bắc Kạn năm 2016 và năm 2017. Vấn đề này đã được Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn xác định tại Công văn số 1345/CTBCA-VP trả lời Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bắc Kạn, xác định: Từ năm 2016 đến nay, Cục Thuế chưa nhận được bất kỳ hồ sơ, chứng từ, tài liệu, tờ khai nào của Công ty Cổ phần Khang Thịnh gửi đến về việc điều chỉnh giảm chi phí giá vốn (tiền lương, tiền công) năm 2016 với tổng số tiền 717.048.000 đồng.

Do đó, tại bản án sơ thẩm đã xác định hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Trốn thuế" quy định tại khoản 1, Điều 161 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã đánh giá về hành vi của các bị cáo là vi phạm quy định của pháp luật, xâm phạm đến chế độ quản lý thuế và hoạt động quản lý thu ngân sách Nhà nước, ảnh hưởng đến trật tự quản lý về kinh tế tại địa phương. Tuy nhiên khi xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; các bị cáo HÀ THỊ Y, PHẠM THỊ TH đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là "Phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, bị cáo HÀ THỊ Y còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là "người phạm tội là phụ nữ có thai" quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án đồng phạm, bị cáo HÀ THỊ Y là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Khang Thịnh, trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hoạt động của công ty, do đó bị cáo Yến giữ vai trò chính, cao nhất. Bị cáo PHẠM THỊ TH là nhân viên kế toán, được hưởng lương trên cơ sở hợp đồng lao động, thực hiện theo sự chỉ đạo của bị cáo Yến, không được hưởng lợi số tiền trốn thuế, bị cáo Thoa giữ vai trò thứ yếu. Do vậy, HĐXX cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo Thoa là đúng và đầy đủ và quyết định áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo là đã phù hợp.

[3] Về biện pháp tư pháp: Do hành vi của các bị cáo đã chiếm đoạt tiền thuế phải nộp nên đã quyết định buộc Công ty Cổ phần Khang Thịnh phải nộp khoản tiền trốn thuế trong các năm 2016, 2017 vào Ngân sách Nhà nước thông qua Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn với tổng số tiền là 267.113.103đ *(hai trăm sáu bảy triệu, một trăm mười ba nghìn, một trăm linh ba đồng)* đúng pháp luật.

Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm không có thêm chứng cứ, tài liệu nào mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo kêu oan của các

bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH; cần giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội là phù hợp.

[4] Các nội dung khác của vụ án không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không ảnh hưởng đến kháng cáo kêu oan của các bị cáo nên HĐXX không xét.

[5]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2024/HS-ST ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, cụ thể như sau:

- Tuyên bố: Tuyên bố các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH phạm tội "Trốn thuế".

- Áp dụng khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i, n khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **HÀ THỊ Y**: 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước;

- Áp dụng khoản 1 Điều 161 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17; khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 35 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo **PHẠM THỊ TH:** 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Buộc Công ty cổ phần Khang Thịnh phải nộp khoản tiền trốn thuế trong các năm 2016, 2017 vào Ngân sách Nhà nước nộp thông qua Cục Thuế tỉnh Bắc Kạn với tổng số tiền là 267.113.103đ (hai trăm sáu bảy triệu, một trăm mười ba nghìn, một trăm linh ba đồng).

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án các vật chứng gồm:

- Báo cáo tài chính, tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp, tờ khai thuế giá trị gia tăng, tờ khai quyết toán thuế thu nhập cá nhân, tổng hợp doanh thu, sổ cái tài khoản 511;

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, sổ chi tiết cho phí sản xuất kinh doanh dở dang, số hiệu tài khoản 154, sổ chi tiền mặt, số hiệu tài khoản 111;

- Quyết định về kiểm tra thuế và quyết định về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế của Công ty Cổ phần Khang Thịnh lập các năm 2016 và 2017;

- Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty Cổ phần Khang Thịnh và các cá nhân;

- Bảng thanh toán tiền công của Công ty Cổ phần Khang Thịnh.

- Các tài liệu liên quan Công ty Cổ phần Khang Thịnh nộp bổ sung tại giai đoạn xét xử phúc thẩm.

4. Về án phí: Các bị cáo HÀ THỊ Y và PHẠM THỊ TH, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Hà **Ong Thân Thắng** **Nguyễn Vũ Đông**

***Nơi nhận*:**
- Vụ I - TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THADS tỉnh Bắc Kạn;
- Các bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA; P.HCTP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Đông